TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH T** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST Ngày: 24-8-2023 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Công Lý.

Ông Huỳnh Văn Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 122/2023/TLST-HNGĐ, ngày 09 tháng 08 năm 2023 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 08 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Lê Minh T, sinh ngày 28/11/1982 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số X, đường C, phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn*: Chị Lê Út Đ, sinh ngày 09/7/1995 (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 17/7/2023 nguyên đơn anh Lê Minh T trình bày:

Anh và chị Lê Út Đ có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 08/9/2020. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh

mâu thuẫn, thường cải vả dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc và không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, anh T yêu cầu được ly hôn với chị Đ.

Về con chung: có một con tên Lê Bảo A, sinh 03/11/2020, anh giao cho chị Đ nuôi, anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn chị Lê Út Đ có lời trình bày*:

Chị thống nhất với anh Lê Minh T về quan hệ hôn nhân, con chung có một con tên Lê Bảo A, sinh 03/11/2020, chị đồng ý nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Không có.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Lê Minh T yêu cầu ly hôn với chị Lê Út Đ. Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn anh T và bị đơn chị Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt đối với anh T và chị Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 32/2020 ngày 08/9/2020 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng thể hiện, anh T và chị Đ có đăng ký kết hôn, do vậy hôn nhân hợp pháp. Lời trình bày của anh T và chị Đ trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng ý kiến với nhau. Vợ chồng không còn quan tâm, lo lắng cho nhau, không còn tình thương yêu vợ chồng. Anh T yêu cầu ly hôn, thì chị Đ cũng đồng ý ly hôn. Mặt khác người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không còn quan tâm, chăm sóc nhau, không làm tròn nghĩa vụ của vợ chồng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên anh T xin ly hôn là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh T được ly hôn với chị Đ.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung, anh T và chị Đ thống nhất giao con cho chị Đ nuôi. Việc thỏa thuận nuôi con là phù hợp khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định *"Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con;..."*. Nên

Hội đồng xét xử giao con cho chị Đ nuôi là phù hợp có căn cứ pháp luật. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con không xem xét do chị Đ không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh T và chị Đ trình bày không yêu cầu, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Anh T người yêu cầu ly hôn, nên phải chịu án phí 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

[6] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Lê Minh T được ly hôn với chị Lê Út Đ.

2. Về quyền nuôi con: Giao cho chị Lê Út Đ được quyền nuôi dưỡng con tên Lê Bảo A, sinh 03/11/2020 đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Lê Minh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét do đương sự không có yêu cầu.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Lê Minh T chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0008226 ngày 09/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, anh T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án

dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã V, huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hoàng Nam